TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 29-6-2023.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H,
TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị BT.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Kim T.

2/ Bà Trần Thị Thu N.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Kim Q– Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 15/2023/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023. Về: "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51ª/2023/QĐXXST– HNGĐ ngày 12/5/2023; Quyết định Hoãn phiên tòa số 52/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Bà Nguyễn Thị Bé B – Sinh năm 2003.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện H, tỉnh B.

Bị đơn : Ông Nguyễn Văn N – Sinh năm 1995 .

Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện H, tỉnh B.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 03/01/2023 và tại khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé B trình bày: Bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Nguyễn Văn N. Bà và ông N cưới nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân xã M. Việc cưới nhau là do hai bên tự tìm hiểu, thời gian tìm hiểu là 03 tháng. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau tại xóm 4, thôn Phú Điền, xã Hàm Phú, huyện H, tỉnh B. Vợ chồng sống chung hạnh phúc không Bo lâu thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông N thường xuyên đánh bài, chơi số đề, gây nợ nần dẫn đến vợ chồng cãi nhau, ông N còn vũ phu đánh đập bà. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2022 cho đến nay. Bà và ông N không còn liên lạc với nhau nữa. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông Nguyễn Văn N vắng mặt nên bà yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tụng tố tụng như ghi lời khai, lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đây là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại thôn Dốc Lăng, xã Thuận Minh, huyện H, tỉnh B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé B vắng mặt tại phiên tòa, đã có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 20/6/2023. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Bé B và ông Nguyễn Văn N cưới nhau vào năm 2022 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ Bn nhân dân xã M, huyện H. Đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia

đình. Bà B cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc không được Bo lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông N thường xuyên đánh bài, chơi số đề, gây nợ nần dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2022 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng của bà yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông N nhưng ông N cố tình lẫn tránh, vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông N thực tế đã xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cuộc sống chung được. Do vậy, yêu cầu được ly hôn của bà Nguyễn Thị Bé B là có căn cứ nên chấp nhận.

- *Về con chung*: Vợ chồng không có con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí*:* Bà Nguyễn Thị Bé B phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Khoản 4 Điều 91, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 146, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé B về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn N. Bà Nguyễn Thị Bé B được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản và nợ: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bé B phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Bé B đã nộp đủ 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0014343 ngày 11/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh B nên không phải nộp nữa.

Ông Nguyễn Văn N không chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
TÒA
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS H.H;

- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN

Đã ký

Nguyễn Thị BT